

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NÔ
TỈNH ĐẮK NÔNG**

Bản án số: 14/2019/HS-ST

Ngày 14/5/2019

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tím.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông và ông Lê Khải

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Vũ Hồng Hoa – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Nô, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 11/2019/HSST ngày 05 tháng 4 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2019/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Lê Hùng C**, sinh năm 1989; nơi sinh: tỉnh Đắk Nông; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị Thu T; vợ Lang Thị O, sinh năm 1989 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án: 03 tiền án cụ thể ngày 08/6/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 02 năm 06 tháng tù nhưng được hưởng án treo về tội “Cố ý gây thương tích”. Được trừ thời gian đã bị tạm giam 01 tháng 11 ngày, hình phạt tù còn lại là 02 năm 04 tháng 19 ngày. Thời gian thử thách thách 04 năm 09 tháng 18 ngày, tại bản án số 20/2012/HSST; Ngày 19/11/2013 bị Tòa án nhân dân thị xã Gia Nghĩa xử phạt 09 tháng tù về “tội trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt với bản án số 20/2012/HSST, ngày 08/6/2012. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 03 năm 03 tháng tù. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù; Ngày 21/9/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 28/2017/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án; tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/12/2018. Có mặt.

2. **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1988; nơi sinh: tỉnh Nghệ An; nơi cư trú: thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H (đã chết) và bà Lê Thị C. Tiền án, tiền sự: không; Nhân thân: Ngày 25/02/2014 bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý

gây thương tích” theo bản án số 09/2014/HSST. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt và các quyết định khác của bản án. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 18/3/2019 được tại ngoại. Có mặt

3. **Bùi Văn T (tên gọi khác: Mẫu)**, sinh năm 1988; nơi sinh: tỉnh Phú Thọ; nơi cư trú: Thôn L, xã Q, huyện K, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn H và bà Trần Thị N Có vợ là Huỳnh Thị Kim P và 01 người con sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 20/3/2019 được tại ngoại. Có mặt

- **Bị hại:** Ông Phạm Văn A

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

1. Bà Đặng Thị L; Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bà Lê Thị C;

Địa chỉ: thôn B, xã K, huyện L, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt.

3. Bà Huỳnh Thị Thu T:

Địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện K, tỉnh Đắk Nông. Có mặt

4. Bà Trần Thị N

Địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện K, Đắk Nông. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L và Bùi Văn T là đối tượng có tiền sử sử dụng ma túy. Vào lúc khoảng 7 giờ 30 phút ngày 08/12/2018 L và T đi đến Trung tâm y tế huyện Krông Nô để uống thuốc cai nghiện Methadone. Trên đường đi thì xe bị hư và cả hai đưa đi sửa, sau đó thì gặp Lê Hùng C nên L nhờ C chở T. Khi đi đến ngã ba cây đa thuộc xã N thì L và T đi ăn sáng còn C thì đi mua thuốc cai nghiện, sau đó quay lại ăn sáng cùng với L và T. Tại đây C nói cho L và T biết mình có lấy trộm cà phê tươi vào ngày 07/12/2018 và rủ L và T cùng đi thì L, T đồng ý. Sau đó C chở T đến nhà ông Phạm Văn A ở thôn Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông, còn T đi lấy xe ở tiệm sửa xe. Khi đến nhà ông Phạm Văn A thì không có ai ở nhà nên C mở lưới B40 đi vào bên trong sân và bê 01 bao cà phê tươi ra ngoài và cùng T chở đi bán, trên đường đi thì gặp L nên L, T, C cùng nhau đi bán tại đại lý thu mua nông sản L tại xã N được 300.000 đồng. Số tiền trên C mua ma túy của một đối tượng tên D và cùng L, T sử dụng.

Sau đó C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F3 – 3690, còn L chở T bằng xe mô tô biển kiểm soát 47N1 – 13545 tiếp tục đến nhà ông Phạm Văn A để trộm cắp tài sản. Khi đến nhà ông A thì C vào sân bê 02 bao cà phê tươi qua hàng rào, T bê 01 bao ra xe của L, C chở 01 bao và cùng T, L chở đi bán. Tiếp đó cả ba quay lại nhà ông A, lần này C vào sân bê 03 bao cà phê tươi qua hàng rào, T đến bê 02 bao lên xe của L, còn C chở 01 bao và cùng nhau đem đi bán. Sau khi bán xong cả ba lại tiếp tục quay lại nhà ông A, C vào sân bê 03 bao cà phê tươi qua hàng rào, T đến bê 02 bao lên xe của L, còn C chở 01 bao và cùng T, L chở đi bán. Toàn bộ số

cà phê trên C, L, T đều bán cho bà L – chủ đại lý thu mua nông sản L. Tổng số tiền mà Lê Hùng C bán 03 bao cà phê trộm cắp được là 900.000 đồng. Tổng số tiền mà Nguyễn Văn L và Bùi Văn T bán 05 bao cà phê trộm cắp được số tiền là 1.600.000 đồng. Số tiền trên C đã tiêu xài cá nhân hết. Còn L và T chia nhau mỗi người được 800.000 đồng. L đã tiêu xài cá nhân hết 100.000 đồng, T tiêu xài cá nhân hết 617.000 đồng. Số tiền còn lại của L và T đã được cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô thu giữ.

Ngoài lần hành vi phạm tội trên, vào ngày 07/12/2018 Lê Hùng C một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48F3 – 3690 đi từ xã S khi đi đến nhà ông Phạm Văn A tại Thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông thì thấy trong sân nhà ông A có nhiều cà phê và không có ai trông coi nên C đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. Sau đó C dựng xe sát lề đường, mở lưới B40 vào sân nhà ông A trộm cắp được 03 bao cà phê tươi và bán tại đại lý thu mua nông sản L được 900.000 đồng, số tiền trên C tiêu xài cá nhân hết.

Ngày 14/12/2018 cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô đã yêu cầu định giá tài sản để định giá 12 bao cà phê tươi, trong đó có 03 bao cà phê có trọng lượng 130 kg bị mất vào ngày 07/12/2018 và 09 bao cà phê tươi có trọng lượng 401 kg bị mất vào ngày 08/12/2018. Căn cứ kết luận định giá tài sản số 51/BB- KLĐG ngày 14/12/2018 của Hội đồng định giá và bán đấu giá tài sản huyện Krông Nô xác định: Giá trị 130kg cà phê tươi tại thời điểm ngày 07/12/2018 có giá trị là 962.000 đồng(Chín trăm sáu mươi hai nghìn đồng) và 401 kg cà phê tươi tại thời điểm ngày 08/12/2018 có giá trị là 2.967.400 đồng (Hai triệu chín trăm sáu mươi bảy nghìn, bốn trăm đồng).

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô thu giữ:

- Số tiền 883.000 đồng, trong đó 700.000 đồng của Nguyễn Văn L và 183.000 đồng của Bùi Văn T là số tiền còn lại do phạm tội mà có.

- 01 xe gắn máy nhãn hiệu Honda, màu đỏ đen, biển kiểm soát: 47N1 – 13545 của Nguyễn Văn L.

- 12 bao cà phê tươi được đựng trong các bao phân bón, miệng được xoắn lại bằng que, có trọng lượng 531kg.

Cáo trạng số 13/CTr-VKS ngày 04/4/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố bị cáo Lê Hùng C về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; truy tố bị cáo Nguyễn Văn L và Bùi Văn T về tội về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Bùi Văn T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô thực hành quyền công tố luận tội và tranh luận, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Bùi Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Hùng C từ 03 đến 04 năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam ngày 12/12/2018.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, s khoản 1, khoản 2 điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 06 đến 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2018 đến ngày 18/3/2019.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn T từ 06 đến 09 tháng tù, nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra ông Phạm Văn A không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 87, ngày 18/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô, trả 12 bao cà phê tươi, có trọng lượng 531 kg cho ông Phạm Văn A là chủ sở hữu hợp pháp.

Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ đen, biển kiểm soát: 47N1 – 13545 của Nguyễn Văn L.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 883.000 đồng trong đó 700.000 đồng của Nguyễn Văn L và 183.000 đồng của Bùi Văn T, đây là số tiền còn lại mà L và T bán có được từ việc bán tài sản trộm cắp.

Truy thu sung quỹ nhà nước số tiền 1.900.000 đồng đối với Lê Hùng C; 200.000 đồng đối với Nguyễn Văn L và 717.000 đồng đối với Bùi Văn T có được từ việc phạm tội.

Các bị cáo không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Nô, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2]. Đối với hành vi của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Ngày 08/12/2018 tại thôn Đ, xã N, huyện K, tỉnh Đắk Nông lợi dụng sự thiếu cảnh giác của chủ sở hữu tài sản là ông Phạm Văn A, các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Bùi Văn T đã lén lút chiếm đoạt 09 bao cà phê tươi có giá trị tại thời điểm chiếm đoạt là 2.967.400 đồng.

Trước đó ngày 07/12/2018 bị cáo Lê Hùng C đã lén lút chiếm đoạt 03 bao cà phê tươi của ông Phạm Văn A, có giá trị tại thời điểm là 962.000 đồng. Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đã tái phạm, chưa được xóa án tích mà lại thực hiện hành vi phạm tội do lỗi cố ý. Như vậy, với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, bị cáo Lê Hùng C bị Viện kiểm sát

nhân huyện Krông Nô truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự với tình tiết “Tái phạm nguy hiểm”. Các bị cáo Nguyễn Văn L và Bùi Văn T bị Viện kiểm sát nhân huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông truy tố về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật, không oan.

Điều 173 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a).....

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a).....

g) Tái phạm nguy hiểm”

[3]. Xét tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi phạm do hành vi phạm tội của các bị cáo đã gây ra:

3.1. Các bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và khả năng nhận thức được hành vi, biết hành vi mà mình thực hiện là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện.

3.2. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền về tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải áp dụng mức hình phạt tương xứng đủ để giáo dục các bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, có ý thức tuân theo pháp luật, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật, đấu tranh phòng ngừa chung trong xã hội.

Khi thực hiện hành vi phạm tội giữa các bị cáo không có sự phân công trách nhiệm, không có sự cấu kết chặt chẽ nên hành vi mà các bị cáo thực hiện thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn. Bị cáo Lê Hùng C là người khởi xướng và phạm tội thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm” nên cần xử phạt bị cáo Lê Hùng C mức hình phạt cao hơn các bị cáo Nguyễn Văn L và Bùi Văn T.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn L mặc dù tham gia với vai trò đồng phạm tuy nhiên xét về nhân thân, ngày 25/02/2014 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Krông Nô xử phạt 03 năm tù về tội “Cố ý gây thương tích”, theo bản án số 09/2014/HSST. Mặc dù bị cáo đã chấp hành xong bản án và được xóa án tích nhưng bị cáo không coi đây là bài học để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà còn thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy hình phạt áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Văn L sẽ nghiêm khắc hơn so với bị cáo Bùi Văn T.

3.3. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường toàn bộ thiệt hại cho bị hại, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, thiệt hại mà các bị cáo gây ra không lớn, bị hại có đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Do đó Hội đồng xét xử có căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b,h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Lê Hùng C và Nguyễn Văn L; đối với bị cáo Bùi Văn T, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự

được quy định tại các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 bộ luật hình sự. Bị cáo T có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, cụ thể, có khả năng tự cải tạo và nếu không bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù thì không ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng , chống tội phạm. Xét thấy không cần bắt bị cáo T chấp hành hình phạt tù, vì vậy cần áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo T được hưởng án treo. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương và gia đình bị cáo phối hợp giám sát, giáo dục, thể hiện chính sách khoan hồng và nhân đạo của pháp luật.

[4]. Đối với hành vi của bà Đặng Thị L – Chủ đại lý thu mua nông sản L là người mua 12 bao cà phê tươi do Lê Hùng C, Nguyễn Văn L, Bùi Văn T trộm cắp mà có. Bà L không biết tài sản đó do các bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô không xem xét xử lý là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình ông Phạm Văn A không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 87, ngày 18/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô , trả 12 bao cà phê tươi, có trọng lượng 531 kg cho ông Phạm Văn A là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ đen, biển kiểm soát: 47N1 – 13545 của Nguyễn Văn L.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 883.000 đồng trong đó 700.000 đồng của Nguyễn Văn L và 183.000 đồng của Bùi Văn T, đây là số tiền còn lại mà L và T có được từ việc bán tài sản trộm cắp.

- Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 48F3 – 3690 mà Lê Hùng C sử dụng làm phương tiện để trộm cắp tài sản, quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô trên thuộc quyền sở hữu của bà Huỳnh Thị Thu T và bà Trang không biết C sử dụng chiếc xe trên để đi trộm cắp tài sản, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Nô không thu giữ là đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7]. Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí toà án.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Bùi Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1.1 Áp dụng điểm g khoản 2 điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Hùng C 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 12/12/2018.

1.2. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được trừ thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam, ngày 08/12/2018 đến ngày 18/3/2019.

1.3. Áp dụng khoản 1 Điều 173, các điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn T 06 tháng tù, nhưng được hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Bùi Văn T cho UBND xã Quảng Phú, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên theo Luật thi hành án hình sự thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra gia đình ông Phạm Văn A không yêu cầu các bị cáo bồi thường nên không xem xét.

3. Về các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự:

- Chấp nhận Quyết định xử lý vật chứng số 87, ngày 18/12/2018 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Krông Nô, trả 12 bao cà phê tươi, có trọng lượng 531 kg cho ông Phạm Văn A là chủ sở hữu hợp pháp.

- Tịch thu, sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda màu đỏ đen, biển kiểm soát: 47N1 – 13545 của Nguyễn Văn L.

- Tịch thu nộp ngân sách nhà nước số tiền 883.000 đồng trong đó 700.000 đồng của Nguyễn Văn L và 183.000 đồng của Bùi Văn T, đây là số tiền còn lại mà L và T có được từ việc bán tài sản trộm cắp.

4. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

Buộc các bị cáo Lê Hùng C, Nguyễn Văn L và Bùi Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bộ phận HSNVCS-CA huyện Krông Nô;
- Cơ quan THAHS-CA huyện Krông Nô;
- Chi cục THADS huyện Krông Nô;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Tím

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Tím